

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN I**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Ngày — tháng — năm 200 —



**TRƯỞNG PHÒNG TỔNG HỢP**  
*Hồ Thị Văn Anh*



---

Tháng 05 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN I**Số 151 – Hoàng Hoa Thám – P. Ngọc Hà – Q. Ba Đình – Hà Nội

---

**MỤC LỤC****NỘI DUNG****TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5 - 6

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 - 20



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phim Truyền I (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Trần Như Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Thục Hiền	Thành viên
Bà Lê Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Đình Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Phương	P. Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Kim Thu	Kế Toán Trưởng

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
  
**Phan Đình Thanh**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 18 tháng 05 năm 2020



Số: 1805/2020/BCKT-IAV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phim Truyện I

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phim Truyện I (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 05 năm 2020, từ trang 05 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phim Truyện I tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Hữu Hoàn**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2417-2018-283-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2020*

**Trần Xuân Toàn**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3966-2018-283-1




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

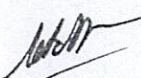
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14.541.265.536</b>	<b>12.544.185.068</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.187.979.649</b>	<b>6.769.408.987</b>
1. Tiền	111		187.979.649	1.769.408.987
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	5.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.096.361.455</b>	<b>3.706.507.265</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.071.898.000	1.247.400.000
2. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		15.953.700	36.819.300
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.700.000.000	2.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		308.509.755	122.287.965
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.256.924.432</b>	<b>2.068.268.816</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	1.256.924.432	2.068.268.816
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>491.299.463</b>	<b>1.254.401.463</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>374.274.599</b>	<b>1.070.526.599</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	374.274.599	1.070.526.599
- Nguyên giá	222		12.458.420.013	12.458.420.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.084.145.414)	(11.387.893.414)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		100.000.000	150.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.024.864</b>	<b>33.874.864</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		17.024.864	33.874.864
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>15.032.564.999</b>	<b>13.798.586.531</b>



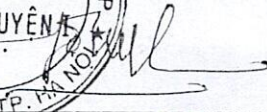
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.790.531.074</b>	<b>1.626.575.452</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.790.531.074</b>	<b>1.626.575.452</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		14.600.000	321.200.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		44.000.000	100.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.5	527.068.505	503.730.544
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.6	2.011.152.880	600.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		157.279.729	65.214.948
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		36.429.960	36.429.960
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>12.242.033.925</b>	<b>12.172.011.079</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.7</b>	<b>12.242.033.925</b>	<b>12.172.011.079</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.026.000.000	14.026.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.894.423	20.894.423
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.804.860.498)	(1.874.883.344)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		(1.874.883.344)	(1.880.999.742)
- LNST chưa phân phối năm nay	421		70.022.846	6.116.398
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>15.032.564.999</b>	<b>13.798.586.531</b>

  
Lê Thị Hà  
Người lập biểu  
Ngày 18 tháng 05 năm 2020

  
Lê Thị Kim Thu  
Kế toán trưởng



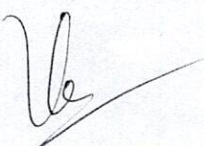
  
Phan Đình Thanh  
Tổng Giám đốc



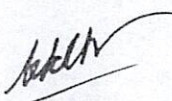
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		17.726.048.230	9.529.094.084
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	17.726.048.230	9.529.094.084
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	17.600.188.442	8.809.669.916
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		125.859.788	719.424.168
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.299.610.182	475.115.397
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	1.355.447.124	1.188.423.167
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.022.846	6.116.398
11. Thu nhập khác	31		100.000.000	-
12. Chi phí khác	32		100.000.000	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.022.846	6.116.398
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		70.022.846	6.116.398



Lê Thị Hà  
Người lập biểu  
Ngày 18 tháng 05 năm 2020



Lê Thị Kim Thu  
Kế toán trưởng

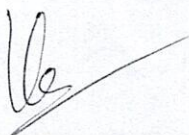


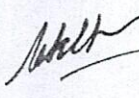
Phạm Đình Thanh  
Tổng Giám đốc

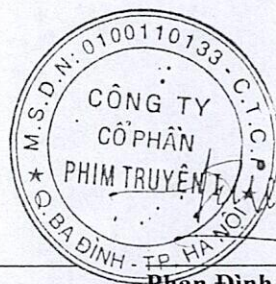


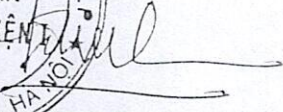
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	18.795.622.029	9.697.128.549
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(15.001.220.835)	(7.600.526.825)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.515.044.100)	(1.536.018.368)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.759.712.221	1.173.000.894
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.950.218.355)	(1.068.368.157)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.088.850.960</b>	<b>665.216.093</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23	(38.400.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24	34.000.000.000	200.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	50.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	679.719.702	430.081.397
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.670.280.298)</b>	<b>630.081.397</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.581.429.338)</b>	<b>1.295.297.490</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.769.408.987</b>	<b>474.111.497</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>187.979.649</b>	<b>1.769.408.987</b>

  
Lê Thị Hà  
Người lập biểu  
Ngày 18 tháng 05 năm 2020

  
Lê Thị Kim Thu  
Kế toán trưởng



  
Phan Đình Thanh  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phim Truyền I (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110133 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 11 năm 2010 và cấp lại do đăng ký thay đổi lần 1 ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 1 ngày 18 tháng 11 năm 2015 là 14.026.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Mười bốn tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng chẵn).

Trụ sở Công ty tại: Số 151 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các loại chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự kiến thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn cho phép ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản làm tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**Chi phí trả trước**

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh với thời gian tối đa không quá 3 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai trong Công ty. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ lũy kế, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế và không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính hoặc ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc và kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	7.610.170	24.778.497
Tiền gửi ngân hàng	180.369.479	1.744.630.490
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.187.979.649</b>	<b>6.769.408.987</b>

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Cục Điện Ảnh - TT sản xuất phim Biển Đảo	380.000.000	380.000.000
Cục Điện Ảnh - Hoa Rừng	-	438.000.000
Cục Điện Ảnh - Ngôi nhà yêu thương	-	429.400.000
Cục Điện Ảnh - Người lính thầm lặng	437.335.000	-
Công ty CP xây lắp điện I - Sài cánh bay cao	254.563.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.071.898.000</b>	<b>1.247.400.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN I**  
Số 151 – Hoàng Hoa Thám – P. Ngọc Hà -  
Q. Ba Đình – Hà Nội

**MẪU SỐ B09 - DN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**3. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	175.744.370	-	987.088.754	-
Thành phẩm nhập kho	1.081.180.062	-	1.081.180.062	-
<b>Cộng</b>	<b>1.256.924.432</b>	<b>-</b>	<b>2.068.268.816</b>	<b>-</b>

**4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2019	348.181.818	11.168.975.995	728.485.000	212.777.200	12.458.420.013
Tại ngày 31/12/2019	348.181.818	11.168.975.995	728.485.000	212.777.200	12.458.420.013
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2019	348.181.818	10.360.772.729	466.161.667	212.777.200	11.387.893.414
Khấu hao trong năm	-	617.555.000	78.697.000		696.252.000
Tại ngày 31/12/2019	348.181.818	10.978.327.729	544.858.667	212.777.200	12.084.145.414
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2019	-	808.203.266	262.323.333	-	1.070.526.599
Tại ngày 31/12/2019	-	190.648.266	183.626.333	-	374.274.599



CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN I  
Số 151 – Hoàng Hoa Thám – P. Ngọc Hà -  
Q. Ba Đình – Hà Nội

MẪU SỐ B09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	225.033.585	946.151.606	902.411.154	181.293.133
Thuế thu nhập cá nhân	302.034.920	305.192.000	325.594.491	322.437.411
<b>Cộng</b>	<b>527.068.505</b>	<b>1.251.343.606</b>	<b>1.228.005.645</b>	<b>503.730.544</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trích trước chi phí lương	183.150.880	-
Ghi nhận nợ kinh phí cấp cho đoàn	1.828.002.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.011.152.880</b>	<b>600.000.000</b>

**7. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ
	CP	VND	%	CP	VND	%
Vốn đầu tư của nhà nước	840.910	8.409.100.000	59,95%	840.910	8.409.100.000	59,95%
Vốn góp (Cổ đông khác)	561.690	5.616.900.000	40,05%	561.690	5.616.900.000	40,05%
<b>Cộng</b>	<b>1.402.600</b>	<b>14.026.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.402.600</b>	<b>14.026.000.000</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHIM TRUYỀN I**

Số 151 – Hoàng Hoa Thám – P. Ngọc Hà -

Q. Ba Đình – Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**7. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****b. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	<b>Vốn đầu tư chủ sở hữu VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư tại ngày 01/01/2018	14.026.000.000	20.894.423	(1.880.999.742)	12.165.894.681
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	6.116.398	6.116.398
Số dư tại ngày 31/12/2018	14.026.000.000	20.894.423	(1.874.883.344)	12.172.011.079
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	70.022.846	70.022.846
Trả cổ tức	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	14.026.000.000	20.894.423	(1.804.860.498)	12.242.033.925



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.726.048.230	9.529.094.084
Trong đó:		
- Doanh thu bán thành phẩm	17.373.435.985	9.494.634.993
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	352.612.245	34.459.091
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.726.048.230	9.529.094.084

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng	17.600.188.442	8.809.669.916
Cộng	17.600.188.442	8.809.669.916

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.299.610.182	475.115.397
Cộng	1.299.610.182	475.115.397

**4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	1.074.618.757	908.168.164
Chi phí hành chính	149.759.836	-
Đồ dùng văn phòng	20.959.900	-
Thuế, phí và lệ phí	6.998.665	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.840.158	-
Chi phí khác bằng tiền	59.269.808	280.255.003
Cộng	1.355.447.124	1.188.423.167



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% thu nhập tính thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trong năm không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp.


**VII. THÔNG TIN KHÁC**

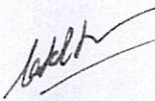
**1. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

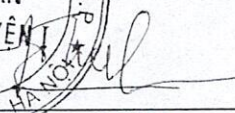
**2. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế

  
Lê Thị Hà  
Người lập biểu  
Ngày 18 tháng 05 năm 2020

  
Lê Thị Kim Thu  
Kế toán trưởng



  
Phan Đình Thanh  
Tổng Giám đốc